TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **59** /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 10 – 2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thủy
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương
2. Ông Bùi Văn Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Quang Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 181/2018/TLST- HNGĐ ngày 16/4/2018 về việc "Ly hôn, giao nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 27/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T,** sinh năm 1995 (Có)
Địa chỉ: Tổ 3, ấp 4, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: Anh **Hà Văn K,** sinh năm 1986 (Vắng)
Địa chỉ: Tổ 3, ấp 4, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu của chị Trần Thị T:

Chị T và anh K tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau từ năm 2011, đến năm 2013 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Anh chị chung sống với nhau được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K không quan tâm đến gia đình, thường ghen vô cớ dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã. Do

không thể tiếp tục chung sống nên anh chị đã ly thân từ tháng 3/2018. Chị T yêu cầu ly hôn với anh K.

Anh chị có 01 con chung là Hà Trần Đức M, sinh ngày 28/3/2013, khi ly hôn chị T đồng ý giao con cho anh K nuôi dưỡng và chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ: Quá trình giải quyết vụ án, chị T khai anh chị không có nợ chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị T khai trong thời kỳ hôn nhân anh K có vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện H, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là Ngân hàng nông nghiệp H) số tiền 100.000.000đ. Để làm rõ về khoản nợ trên Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa và thu thập ý kiến của ngân hàng. Tại văn bản ngày 28/9/2018, Ngân hàng nông nghiệp H xác định khoản vay trên là khoản vay riêng của anh Hà Văn K, Ngân hàng chấp nhận để một mình anh K trả nợ và không có yêu cầu gì đối với chị Trần Thị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ trên trong vụ án này.

Trình bày và ý kiến của anh Hà Văn K:

Anh K và chị T kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cãi vã sau đó thì chị T bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở cho đến nay, để con cho anh K chăm sóc, cũng không về thăm con, anh K đã gọi vợ về nhiều lần nhưng chị T không về. Anh K không đồng ý ly hôn.

Anh chị có 01 con chung là Hà Trần Đức M, sinh ngày 28/3/2013, nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Quan hệ hôn nhân: Qua nghiên cứu hồ sơ và kết quả xét xử tại phiên tòa thấy được: Tuy anh K không đồng ý ly hôn nhưng giữa chị T và anh K có nhiều mâu thuẫn

trầm trọng, việc mâu thuẫn của anh chị được chính quyền địa phương xác nhận, chị T cương quyết xin ly hôn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu cho ly hôn.

- Con chung: Hai bên cùng thống nhất giao con cho anh K nuôi nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, anh K không yêu cầu cấp dưỡng nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hà Văn K có nơi cư trú tại xã T, huyện H, nên đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Chị T yêu cầu ly hôn với lý do anh K không quan tâm đến gia đình, thường ghen vô cớ dẫn đến vợ chồng thường cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2018 đến nay. Anh K thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đồng ý ly hôn.

Để có cơ sở xem xét yêu cầu của chị T, ngày 26/7/2018 Tòa án đã xác minh tại địa phương nơi cư trú của anh chị thì chính quyền địa phương cung cấp: giữa anh chị có mâu thuẫn, hai bên gia đình đã nhiều hòa giải nhưng không được, chị T đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Hội đồng xét xử nhận thấy: mục đích của hôn nhân là việc vợ chồng yêu thương nhau, cùng chăm lo cho gia đình và có cuộc sống hạnh phúc. Tuy nhiên, giữa chị T và anh K có nhiều mâu thuẫn, không còn chung sống và chị T cương quyết xin ly hôn cho thấy không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4] Về con chung: Anh K yêu cầu trực tiếp nuôi con chung Hà Trần Đức M, sinh ngày 28/3/2013 và chị T đồng ý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Khoản vay 100.000.000đ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện H, tỉnh Bình Phước là nợ riêng của anh K, Ngân hàng không có yêu

cầu gì với chị T và không yêu cầu giải quyết khoản nợ trên trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Hà Văn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 82 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp ngày 02/8/2013 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con Hà Trần Đức M, sinh ngày 28/3/2013 cho anh Hà Văn K trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh K không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0004645 ngày 11/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản
- Các đương sư
- Nơi ĐKKH
- CCTHADS huyện Hớn Quản
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Thủy